

Bản án số: **32/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-9-2021

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chiêm Ngọc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Võ Văn Phụng

2/ Ông Võ Thanh Điền

**- Thư ký phiên tòa:** Nguyễn Văn Buôi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Lâm Hoàng Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ tạm trú: Ấp L, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Khóm S, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Thạch Sâm N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thúy N trình bày: Vào năm 2010 bà và ông Thạch Sâm N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 11/02/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, ông N không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình mà bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Sóc Trăng sống từ năm 2011 đến nay. Trong thời gian chung sống, bà N và ông N có 01 con chung tên Thạch Thị Thúy N, sinh ngày 30/4/2010 hiện đang sống chung với bà N. Bà N và ông N có tài sản chung là 05 phân vàng 24k, bà N và ông N không có nợ chung. Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông N nên bà N yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà N yêu cầu được nuôi cháu Thạch Thị Thúy N, sinh ngày 30/4/2010 đến khi thành niên và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thạch Sâm N, nhưng ông N không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà N, đồng thời ông N cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thúy N có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Thạch Sâm N, nhưng ông N vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N, ông N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thúy N, nhận thấy bà N và ông N tự nguyện chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 11/02/2010. Quan hệ hôn nhân của bà N và ông N không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống tại tỉnh Đồng Tháp, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, ông N không lo làm ăn, chăm sóc gia đình mà đã bỏ về nhà ở tỉnh Sóc Trăng nên vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2011 đến nay. Hiện bà N nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông N nên có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên bà N suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông N, nhưng bà N vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà N và ông N có một con chung là Thạch Thị Thúy N, sinh ngày 30/4/2010, hiện đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Thạch Thị Thúy N đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N đang chung sống với bà N, để đảm bảo cho môi trường sống của cháu không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu là muốn được chung sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà N, giao cháu N cho bà N trực tiếp nuôi

dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Hiện bà N có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thúy N**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thúy N được ly hôn với ông Thạch Sâm N.

- Về con chung: Giao con chung là Thạch Thị Thúy N, sinh ngày 30/4/2010 cho bà Huỳnh Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông Thạch Sâm N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Thạch Sâm N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung là Thạch Thị Thúy N không ai được cản trở. Ông Thạch Sâm N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thạch Thị Thúy N của bà Huỳnh Thị Thúy N.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Thúy N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thúy N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**2/ Về án phí sơ thẩm:** Bà Huỳnh Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà Nga đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007751, ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Huỳnh Thị Thúy N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Thạch Sâm N không phải chịu án phí sơ thẩm.

**3/ Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã T, TP S, tỉnh Đồng Tháp.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Chiêm Ngọc Linh**